

Số: 72/2024/QĐST- HNGĐ

Kim Động, ngày 22 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 100/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị T - sinh năm 1979.

Nơi cư trú: thôn P T, xã SM, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Đào Văn L - sinh năm 1976.

Nơi cư trú: thôn P T, xã SM, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đào Tùng A, sinh ngày 24/12/2014

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đào Tùng A: Chị Đào Thị T và anh Đào Văn L.

- Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc Tận tình ly hôn và thỏa Tận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự Tận tình ly hôn giữa chị Đào Thị T và anh Đào Văn L.

II. Công nhận sự thỏa Tận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Đào Văn L đều nhất trí tự nguyện ly hôn.

2. Về con chung: Chị T và anh L đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung là

cháu Đào Văn S, sinh ngày 21/7/1999, cháu Đào Văn H, sinh ngày 28/9/2001 và cháu Đào Tùng Anh, sinh ngày 24/12/2014. Hiện nay cháu S và cháu H đã thành niên nên chị T và anh L đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị T và anh L thỏa thuận giao cháu Tùng A cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tùng A thành niên (đủ 18) tuổi, chị T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu Tùng A là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Tùng A thành niên (đủ 18) tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/11/2024. Chị T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà người phải thi hành án không thi hành thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa Tận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa Tận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh L đều tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T và anh L thống nhất để chị T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí chị T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị T đã nộp đủ án phí theo biên lai thu tạm ứng số 0001711 ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THAHS);
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Song Mai (GCNKH số 54 ngày 07/12/1997;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thành Long

